

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2020
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thắng

Ông Nguyễn Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Phương T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 462 đường V, quận K, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Lam Minh M**, sinh năm 1967. Địa chỉ: PL, B City, LA, USA (Hoa Kỳ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Huỳnh Phương T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lam Minh M kết hôn vào ngày 20/01/2017 tại UBND quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 462 đường V, phường H, quận K, TP. Đà Nẵng. Trong thời gian hôn nhân vợ chồng tôi không chung sống với nhau nhiều vì chồng tôi bận rộn công việc, thời gian về Việt Nam rất ít. Sau khi đăng ký kết hôn xong thì đến ngày 22/01/2017 chồng tôi về lại Mỹ. Trong suốt thời gian sau đó, chồng tôi có về một lần từ ngày 15/5/2018 đến ngày 11/6/2018 để thăm tôi và làm thủ tục bảo lãnh cho tôi. Tuy nhiên, chúng tôi lại xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng tôi ít liên lạc với tôi và đã có người phụ nữ khác. Nay tôi thấy không còn tình cảm với ông Lam Minh M nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lam Minh M.

- Về con chung: Bà xác định, bà và ông Lam Minh M không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định, bà và ông Lam Minh M không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lam Minh M không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của bà T, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Phương T đối với ông Lam Minh M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Phương T được ly hôn với ông Lam Minh M.

Về quan hệ con chung: Bà Huỳnh Phương T xác định không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Phương T xác định không có.

Án phí HNGĐ sơ thẩm, các chi phí tố tụng, bà Huỳnh Phương T phải chịu theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Huỳnh Phương T, địa chỉ cư trú tại số nhà 462 đường V, quận K, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Lam Minh M, địa chỉ: PL, B City, LA, USA nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn - bà Huỳnh Phương T và bị đơn - ông Lam Minh M, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cho ông Lam Minh M bằng đường ngoại giao theo Luật tương trợ tư pháp và yêu cầu ông Lam Minh M gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngày 11/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhận được Công văn số: 3539/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện việc cấp tổng đạt bằng hình thức trực tiếp cho ông Lam Minh M theo địa chỉ nói trên.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lam Minh M vẫn không có mặt, không có văn bản trả lời về yêu cầu khởi kiện ly hôn của Huỳnh Phương T, căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lam Minh M.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Phương T và ông Lam Minh M kết hôn vào ngày 20/01/2017 tại UBND quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện (số đăng ký 06/2017). Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T, sau khi kết hôn, ông Lam Minh M trở về Hoa Kỳ, còn bà vẫn sinh sống tại Đà Nẵng. Sau đó ông Lam Minh M về thăm bà T một lần vào khoảng thời gian từ 15/5/2018 đến 11/6/2018. Sau đó vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân, theo bà T là do vợ chồng không liên lạc thuyên xuyên với nhau nên tình cảm phai nhạt, ông Lam Minh M có người phụ nữa khác. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lam Minh M.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Phương T thấy: Hôn nhân giữa bà T và ông Lam Minh M chỉ tồn tại về mặt hình thức, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Lam Minh M là có căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Bà Huỳnh Phương T xác định không có.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Phương T xác định không có, ông Lam Minh M không có lời khai về tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, HĐXX không đề cập đến về tài sản chung và nợ chung.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu 300.000đ, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà T phải chịu theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài: Bà Huỳnh Phương T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Phương T với ông Lam Minh M.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Phương T được ly hôn với ông Lam Minh M.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 001740 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Bà T phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 001803 ngày 26/6/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bà T phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tổng đạt nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 001805 ngày 27/6/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bà T đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Bà T không phải chịu chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài. Hoàn trả cho bà T 3.000.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 001802 ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Bà T phải chịu 870.000 đồng, bà T đã nộp đủ theo hóa đơn bán hàng số 0060413 ngày 25/7/2019 và số 0076921 ngày 11/02/2020 của Phòng Tư pháp quận C.

6. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp T toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Bà T phải chịu 2.207.800 đồng (tương đương 95 USD) theo biên lai thu số: 001804 ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, bà T đã nộp đủ.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Lam Minh M không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UNND quận K, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Tự Sinh

